

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ T
TỈNH LONG AN**

Bản án số: 67/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 13-9-2022

V/v ly hôn.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ T - TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Kim Loan

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Lê Văn Tuấn

2/ Ông Nguyễn Văn Sở

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Văn Hà, Thư ký Tòa án - Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T, tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Ông Phạm Hữu Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý 170/2022/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 06 năm 2022 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 64/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 8 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên số 45/2022/QĐST-HNGĐ ngày 25/8/2022, giữa các đương sự:

1/ Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Bảo T, sinh năm 1996;

Địa chỉ: ấp 4, xã M, huyện T, tỉnh Long An.

2/ Bị đơn: Ông Trần Kỳ Trọng N, sinh năm 1991;

Địa chỉ: Số 8/2/16 đường C, phường 5, thành phố T, tỉnh Long An.

(Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt không lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện đề ngày 07/06/2022 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Bảo T trình bày:

Về hôn nhân: bà và ông N kết hôn vào tháng 01 năm 2020, có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống thời gian đầu sống rất hạnh phúc. Trong quá trình mang

thai và sinh con thì tình cảm vợ chồng không còn hạnh phúc, đỉnh điểm là khi bà sinh con được 05 tháng ông N bỏ đi và không muốn sống chung, không chăm lo gia đình, không nuôi con và không cấp dưỡng cho con. Bà cố gắng giải quyết mâu thuẫn trong đời sống vợ chồng được hòa thuận nhưng không kết quả và ly thân từ tháng 11 năm 2021 cho đến nay. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không thể sống chung nên bà yêu cầu được ly hôn với ông N.

Về con chung: quá trình chung sống vợ chồng có 01 con chung tên Trần Nguyễn Minh A, sinh ngày 28/7/2021, hiện nay đang do bà trực tiếp nuôi dưỡng. Khi ly hôn, bà yêu cầu được tiếp tục nuôi con và yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

Về tài sản chung, nợ chung: tự thỏa thuận.

* Bị đơn ông Trần Kỳ Trọng N vắng mặt tại phiên tòa, không có bản tự khai nội dung sự việc. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành thủ tục niêm yết thông báo về việc thụ lý vụ án cho ông N biết Tòa án có thụ lý vụ án ly hôn theo đơn khởi kiện của bà T theo quy định pháp luật, nhưng ông N không có ý kiến bằng văn bản gửi đến Tòa án về việc bà T xin ly hôn.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án dân sự cho rằng:

Về tố tụng: Thẩm phán tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án. Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử Thẩm phán chấp hành đúng theo quy định Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đều tuân theo quy định pháp luật tố tụng. Nguyên đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt và bị đơn vắng mặt không có lý do nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử là phù hợp theo Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Chị Nguyễn Thị Bảo T và anh Trần Kỳ Trọng N kết hôn và có đăng ký kết hôn tại UBND phường 5, thành phố T, tỉnh Long An vào ngày 17/01/2020 nên đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận. Theo chị T trình bày thì sau khi cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến khi chị mang thai và sinh con thì phát sinh mâu thuẫn. Đỉnh điểm là khi chị sinh con được 05 tháng thì anh N bỏ đi và không muốn sống chung, không chăm lo gia đình, không nuôi con và cấp dưỡng cho con. Chị và anh N đã ly thân từ tháng 11/2021 đến nay, chị cùng con về sống ở nhà mẹ ruột tại ấp 4, xã M, huyện T, tỉnh Long An. Chị xác định chị và anh N không còn tình cảm, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn với anh N. Về phía bị đơn là anh N đã được tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt, điều đó cho thấy anh N không có thiện chí để hàn gắn mối quan hệ vợ chồng. Do đó, có cơ sở xác định hôn nhân giữa chị T và anh N đã lâm vào tình trạng trầm

trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình. Vì vậy, chị T yêu cầu ly hôn với anh N là có căn cứ chấp nhận.

Về con chung: Trong thời gian chung sống vợ chồng chị T, anh N có 01 con chung tên Trần Nguyễn Minh A, sinh ngày 28/7/2021. Hiện tại cháu Minh A đang sinh sống cùng mẹ. Xét thấy, theo quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân gia đình quy định: “3. Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi, trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con hoặc cha mẹ có thỏa thuận khác phù hợp với lợi ích của con”. Trong vụ án này, bé Minh A chưa đến 3 tuổi, chị T có nguyện vọng nuôi con. Do vậy, cần giao con cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con, chị T yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định pháp luật. Xét thấy, theo quy định tại khoản 2 Điều 82 Luật Hôn nhân gia đình quy định: “2. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con”. Do đó, cần buộc anh N phải cấp dưỡng nuôi con, mức cấp dưỡng 1.000.000 đồng/ tháng đến khi cháu Minh A trưởng thành.

Tài sản chung, nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Chị T phải chịu án phí ly hôn, anh N chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

1.1. Về thẩm quyền:

Bà Nguyễn Thị Bảo T có đơn khởi kiện yêu cầu xin ly hôn với ông Trần Kỳ Trọng N. Căn cứ vào Điều 28, 35, 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Tòa án nhân dân thành phố T, Long An thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm.

1.2. Về xét xử vắng mặt đương sự:

Đối với nguyên đơn: Ngày 29/7/2022 bà Nguyễn Thị Bảo T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Đối với bị đơn: Tòa án nhân dân thành phố T, Long An đã tiến hành đầy đủ các thủ tục cấp, tổng đạt các văn bản tố tụng đúng quy định cho ông Trần Kỳ Trọng N nhưng ông N vẫn vắng mặt.

Do đó, việc Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Long An đưa vụ án ra xét xử vắng mặt đối với họ là phù hợp với các Điều 227, 228, 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

2.1. Về quan hệ hôn nhân:

Bà Nguyễn Thị Bảo T và ông Trần Kỳ Trọng N có đăng ký kết hôn, được Ủy ban nhân dân phường 5, thành phố T, tỉnh Long An cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn vào ngày 17/01/2020 theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014, nên đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ khi có tranh chấp.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bà T vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với ông N. Trong thời gian thu thập chứng cứ, Tòa án có tiến hành xác minh về tình trạng hôn nhân của bà T và ông N tại nơi đăng ký kết hôn là Ủy ban nhân dân phường 5, thành phố T, tỉnh Long An nhưng Ủy ban nhân dân phường 5 không nắm rõ nguyên nhân của việc phát sinh tranh chấp nên không cung cấp được cho Tòa án. Về phía ông N, từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến nay ông N cố tình không đến tham gia tố tụng để giải quyết vụ án, Tòa án đã thông báo cho ông N đến Tòa án tham gia hòa giải theo quy định Điều 54 Luật Hôn nhân và gia đình nhằm tạo điều kiện cho vợ chồng đoàn tụ, nhưng ông N vẫn không đến Tòa án. Như vậy phía ông N không có thiện chí để hàn gắn tình cảm vợ chồng và không còn thiết tha về quan hệ tình cảm với bà T nữa. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy quan hệ tình cảm giữa bà T và ông N không còn, tình trạng vợ chồng giữa bà T và ông N đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, xét nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà T là có căn cứ theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

2.2. Về con chung: Trong quá trình chung sống, bà T và ông N có một con chung tên Trần Nguyễn Minh A, sinh ngày 28/7/2021, hiện nay đang do bà T trực tiếp nuôi dưỡng. Khi ly hôn, bà T yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung. Ông N không tham gia phiên tòa để xác định nguyện vọng về việc nuôi con của mình. Để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con, vì vậy giao cho bà T được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là phù hợp theo quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Về cấp dưỡng: bà T yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

Xét thấy: tại Điều 110 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “Cha, mẹ có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con chưa thành niên, con đã thành niên không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình trong trường hợp không sống chung với con hoặc sống chung với con nhưng vi phạm nghĩa vụ nuôi dưỡng con” và Mục 11 Nghị quyết số 02/2000/NQ-HĐTP của Hội đồng thẩm phán quy định tiền cấp dưỡng nuôi con: “Tiền cấp dưỡng nuôi con bao gồm những chi phí tối thiểu cho việc nuôi dưỡng và học hành của con và do các bên thỏa thuận. Trong trường hợp các bên không thỏa thuận được thì tùy vào từng trường hợp cụ thể, vào khả năng của mỗi bên mà quyết định mức cấp dưỡng nuôi con cho hợp lý...”. Ông N không tham gia phiên tòa để xác định ý kiến về việc cấp dưỡng nuôi

con. Do đó, buộc ông N cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đ (một triệu đồng) là phù hợp theo quy định tại Điều 107, 116 Luật Hôn nhân và gia đình.

Bà T và ông N có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại các Điều 81, 82 Luật Hôn nhân và gia đình

2.3. Về tài sản chung, nợ chung: Bà T xác định tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị Bảo T phải chịu án phí theo quy định tại khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Ông Trần Kỳ Trọng N phải chịu án phí theo quy định tại khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

[4] Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thành phố T, tỉnh Long An phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát tại phiên tòa về thủ tục tố tụng và nội dung vụ án là có căn cứ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 238, 266, 267, 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Áp dụng các Điều 56, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116, 117 Luật Hôn nhân gia đình.

Áp dụng Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà Nguyễn Thị Bảo T đối với ông Trần Kỳ Trọng N.

1. Về hôn nhân: Cho bà Nguyễn Thị Bảo T ly hôn với ông Trần Kỳ Trọng N.

2. Về nuôi con chung: Giao con chung tên Trần Nguyễn Minh A, sinh ngày 28/7/2021 cho bà Nguyễn Thị Bảo T trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Trần Kỳ Trọng N cấp dưỡng nuôi con 1.000.000đ (một triệu đồng/một tháng) cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, cấp dưỡng vào ngày 01 hàng tháng, bắt đầu cấp dưỡng sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Người không trực tiếp nuôi con được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản. Vì lợi ích của con, quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con; thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con thực hiện theo quy định tại các Điều 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình.

3. Về tài sản chung, nợ chung: bà Nguyễn Thị Bảo T xác định tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên bản án không đề cập.

4. Về án phí:

Bà Nguyễn Thị Bảo T phải chịu tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng). Nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001655 ngày 14/06/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Long An. Bà T đã nộp đủ.

Ông Trần Kỳ Trọng N phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí cấp dưỡng nuôi con.

5. Về quyền kháng cáo:

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND thành phố T;
- CC.THADS thành phố T;
- Các đương sự;
- Lưu HS, lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trương Kim Loan

